

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST

Ngày: 29-3-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST- KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 2 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn Anh. Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hữu Đức. Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh An Giang. Theo giấy ủy quyền số 1203/QĐ-NHKL ngày 24/4/2018.

Ông Lê Hữu Đức ủy quyền cho ông Phạm Quốc Độ theo văn bản ủy quyền số 44/UQ-CNAG ngày 30/11/2018 (có mặt)

Địa chỉ: 21 – 22A2, Lý Thái T, phường M, Thành phố L, An Giang

Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1977

Nơi cư trú: Ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 30/11/2018 và lời khai tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn ông Phạm Quốc Đ trình bày: Bà Trần Thị T có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần K (gọi tắt là TMCP K) tổng số tiền 280.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 248/2016/HĐTD/1200-2564 ngày 11/04/2016 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 248/2016/HĐTD/1200-2564.1 ngày 11/10/2016. Mục đích vay là mua xe Ô tô. Thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay là 9%/năm và 11,61%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng (+) biên độ 4,23%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị (cùng loại hình và phương thức cho vay). Mức phạt chậm trả lãi: 0,05%/ngày. Hình thức thanh toán trả lãi hàng tháng, trả gốc hàng tháng (7.800.000 đồng/tháng). Trong quá trình vay vốn bà Trần Thị T chỉ thanh toán nợ với vốn + lãi cho Ngân hàng đến ngày 13/06/2018 với tổng số tiền 251.158.407đ, gồm tiền lãi là 48.358.407đ, gốc là 202.800.000đ. Khi đến hạn thanh toán nợ, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và bà T cũng đã nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết và thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Khi vay bà T có thể chấp cho Ngân hàng tại hợp đồng thế chấp số 248/2016/HĐTC-MMTB/1200-2564 ngày 11/4/2016 với tài sản bảo đảm là xe ô tô con, màu: Ghi Bạc, nhãn hiệu TOYOTA, số loại INNOVA, số khung: 43G479211593, số máy: 1TR6353905, biển kiểm soát: 67A-024.37 theo Giấy chứng nhận đăng ký Ô tô số 008546 do công an tỉnh An Giang cấp ngày 07/4/2016. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP.Hồ Chí Minh ngày 11 tháng 04 năm 2016.

Ngân hàng Thương mại cổ phần K yêu cầu bà Trần Thị T phải trả cho ngân hàng tính đến ngày 29/3/2019 với tổng số tiền **86.062.561** đồng (*Tám mươi sáu triệu không trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm sáu mươi mốt đồng*) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 30/3/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán dứt nợ. Ngân hàng rút lại yêu cầu tính phạt lãi.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 248/2016/HĐTD –MMTB/1200-2564 ngày 11/04/2016 được ký kết giữa người đại diện Ngân hàng với bà Trần Thị T để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với bị đơn Trần Thị T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà T vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp

chứng cứ và hòa giải không có lý do. Tòa án tiến hành xác minh hộ khẩu đối với Trần Thị T vẫn còn hộ khẩu tại ấp Hòa L, TT A. Huyện C, An Giang. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị T theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng: **Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. **Về nội dung vụ án:** Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1]**Về thủ tục tố tụng:** Bà Trần Thị T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định pháp luật.

[2]Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về số tiền phạt lãi: Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2018 Ngân hàng Thương mại cổ phần K khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị T phải trả lại số tiền vay còn thiếu trong hợp đồng tín dụng bao gồm tiền vốn vay, tiền lãi trong hạn, phạt lãi, quá hạn từ thời điểm chị Tuyên chậm thanh toán cho ngân hàng. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay đại diện ủy quyền của ngân hàng rút lại yêu cầu không yêu cầu tính phạt lãi. Xét thấy, đối với việc rút lại yêu cầu tính phạt lãi của nguyên đơn là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Nghĩ nên chấp nhận là phù hợp.

[2.2] Về nội dung hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh An Giang với bà Trần Thị T thực tế đã có phát sinh. Sự việc được chứng minh qua hợp đồng tín dụng số 248/2016/HĐTD/1200-2564 ngày 11/04/2016 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 248/2016/ HĐTD/1200-2564.1 ngày 11/10/2016, Hợp đồng thế chấp số 248/2016/HĐTC-MMTB/1200-2564 ngày 11/4/2016. Xét về hình thức và nội dung đều không trái đạo đức và pháp luật nên điều chỉnh khi phát sinh tranh chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì bà T chỉ đóng vốn, lãi cho ngân hàng đến ngày 13/06/2018 với tổng số tiền 251.158.407đ, gồm tiền lãi là 48.358.407đ, gốc là 202.800.000đ thì ngưng không trả vốn và lãi cho Ngân hàng như đã cam kết, việc làm này đã vi phạm hợp đồng tín dụng, Ngân hàng cũng đã nhắc nhở nhiều lần

nhưng bà T vẫn không thanh toán. Tại phiên tòa hôm nay đại diện ngân hàng yêu cầu bà T có trách nhiệm trả số tiền vốn và lãi đến ngày 29/3/2019 là **86.062.561** đồng, trong đó nợ gốc là 77.200.000 và lãi phát sinh đến ngày 29/3/2019 là 8.862.561 đồng và tiếp tục trả phần lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi bà T trả hết nợ cho Ngân hàng. Xét về mối quan hệ tranh chấp trên thì phía bị đơn là người có lỗi, không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là phải nộp lãi và trả vốn đúng theo hợp đồng, việc vi phạm này của bị đơn đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của phía nguyên đơn. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ một lần số tiền vốn lãi là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy buộc bà Trần Thị T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K – chi nhánh An Giang đại diện nhận số tiền **86.062.561** và phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn trên số vốn gốc là 77.200.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 248/2016/HĐTD/1200-2564 ngày 11/04/2016 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 248/2016/HĐTD/1200-2564.1 ngày 11/10/2016, kể từ ngày 30/3/2019 cho đến khi thi hành án xong.

[2.3] **Đối với hợp đồng thế chấp:** Hợp đồng thế chấp số 248/2016 /HĐTC-MMTB/1200-2564 ngày 11/4/2016 thì khi giao kết hợp đồng bà Trần Thị T đều hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, có chữ ký của bà T, có đơn yêu cầu đăng ký thế chấp và đều có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy khi buộc bà T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền **86.062.561** đồng thì cần phải tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 248/2016/HĐTC-MMTB/1200-2564 ngày 11/4/2016 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu bà T tự nguyện thi hành án, không phải phát mãi tài sản thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K phải trả lại tất cả các loại giấy tờ đã thế chấp cho bà T. Nếu bà T không tự nguyện thi hành án thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu chỉ cục thi hành án phát mãi các tài sản thế chấp số 248/2016/HĐTC-MMTB/1200-2564 ngày 11/4/2016 để đảm bảo cho việc thi hành án.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K-Chi nhánh An Giang được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà Trần Thị T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K
2. Buộc bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K do Ngân hàng Thương mại cổ phần K- Chi nhánh An Giang đại diện nhận số tiền **86.062.561** đồng (*Tám mươi sáu triệu không trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm sáu mươi một đồng*) và phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn trên số vốn gốc là 77.200.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 248/2016/HĐTD/1200-2564 ngày 11/04/2016 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 248/2016/HĐTD/1200-2564.1 ngày 11/10/2016, kể từ ngày 30/3/2019 kể từ ngày 30/3/2019 cho đến khi thi hành án xong.

3. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 248/2016/HĐTC-MMTB/1200-2564 ngày 11/4/2016 của Ngân hàng TMCP K -Chi nhánh An Giang với bà Trần Thị T để đảm bảo cho việc thi hành án gồm tài sản sau: là xe ô tô con, màu: Ghi Bạc, nhãn hiệu TOYOTA, số loại INNOVA, số khung: 43G479211593, số máy: 1TR6353905, biển kiểm soát: 67A-024.37 theo Giấy chứng nhận đăng ký Ô tô số 008546 do công an tỉnh An Giang cấp ngày 07/4/2016. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP.Hồ Chí Minh ngày 11 tháng 04 năm 2016.

4. Sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu bà Tuyên tự nguyện thi hành án, không phải phát mãi tài sản thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K phải trả lại tất cả các loại giấy tờ đã thế chấp cho bà T. Nếu bà T không tự nguyện thi hành án thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu chi cục thi hành án phát mãi các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 248/2016/HĐTC-MMTB/1200-2564 ngày 11/4/2016 để thi hành án.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số tiền phạt lãi là 471.994 đồng.

6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần K do Ngân hàng Thương mại cổ phần K- Chi nhánh An Giang được nhận lại 2.053.000 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014007 ngày 19 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị T phải chịu 4.303.128đ (Bốn triệu ba trăm lẻ ba ngàn một trăm hai mươi tám đồng) án phí khn doanh thương mại sơ thẩm.

7.Về kháng cáo: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K do Ngân hàng Thương mại cổ phần K- Chi nhánh An Giang được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/3/2019). Bà Trần Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

8.Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung